

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	2,00	2,50	2,40	
2	Vũ Ngọc	Son	3771020010	15/01/1995	4,30	,00	1,30	
3	Nguyễn Thành	Long	3771020020	14/11/1994	2,00	,00	,60	
4	Cao Hồng	Phong	3771020029	09/07/1994	1,00	,00	,30	
5	Trần Hồng	Tím	3771020032	02/01/1994	4,00	5,50	5,10	
6	Nguyễn Đức	Nhật	3771020035	21/10/1995	4,00	2,50	3,00	
7	Lê Tấn	An	3771020039	18/06/1995	,00	,00	,00	CT
8	Phan Đức	Tú	3771020048	28/02/1994	4,00	5,80	5,30	
9	Võ Văn	Cường	3771020050	17/11/1995	4,30	,00	1,30	
10	Phạm Văn	Dàng	3771020052	13/08/1995	5,00	2,30	3,10	
11	Võ Hữu	Tài	3771020062	09/12/1994	3,50	4,80	4,40	
12	Trương Chí	Tâm	3771020063	12/12/1995	2,00	4,50	3,80	
13	Nguyễn Đình	Lâm	3771020070	18/11/1994	5,00	6,50	6,10	
14	Nguyễn Minh	Tâm	3771020083	29/09/1995	4,00	2,50	3,00	
15	Nguyễn Văn	Quý	3771020090	01/11/1994	3,50	2,00	2,50	
16	Lê Quốc	Thịnh	3771020113	23/03/1995	3,50	4,50	4,20	
17	Lê Quốc	Bình	3771020114	06/08/1995	7,30	6,50	6,70	
18	Nguyễn Tấn	Minh	3771020117	10/02/1995	4,80	3,00	3,50	
19	Võ Trọng	Nghĩa	3771020127	15/06/1995	4,30	6,50	5,80	
20	Trần Quốc	Thành	3771020130	20/04/1995	2,50	2,50	2,50	
21	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3771020135	12/11/1995	6,30	5,50	5,70	
22	Nguyễn Chí	Công	3771020136	21/04/1991	2,50	5,80	4,80	
23	Nguyễn Xuân	Vang	3771020150	18/08/1995	4,30	3,50	3,70	
24	Lưu	Hòa	3771020165	08/01/1995	4,80	6,50	6,00	
25	Nguyễn Văn	Quảng	3771020168	17/08/1995	7,50	2,30	3,90	
26	Huỳnh Quang	Tạo	3771020171	11/04/1995	3,50	2,00	2,50	
27	Mai Tiểu	Cường	3771020184	15/10/1995	,00	,00	,00	CT
28	Trịnh Viết	Hồng	3771020188	11/06/1994	2,80	2,50	2,60	
29	Cao Văn	Tuyến	3771020192	06/06/1995	2,50	3,00	2,90	
30	Nguyễn Văn	Tú	3771020198	16/02/1995	4,00	3,50	3,70	
31	Trần Quang	Huy	3771020203	20/08/1994	7,00	,00	2,10	
32	Lê Hoàng	Vũ	3771020213	20/04/1993	,00	4,80	3,40	
33	Nguyễn Hữu	Cường	3771020220	19/07/1995	,00	,00	,00	CT
34	Nguyễn Xuân	Giáp	3771020223	11/02/1994	2,00	1,00	1,30	
35	Hồ Thanh	Tâm	3771020227	20/10/1994	5,00	,30	1,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Hồ Phúc Như	Ý	3771020235	27/12/1995	3,00	6,30	5,30	
37	Lê Minh	Triết	3771020239	14/11/1995	4,00	6,50	5,80	
38	Nguyễn Công	Chuẩn	3771020242	15/02/1994	,00	,00	,00	CT
39	Trần Thanh	Huy	3771020260	21/03/1995	3,50	2,30	2,70	
40	Phan Ngọc	Phụng	3771020284	27/02/1994	5,80	3,50	4,20	
41	Huỳnh Xuân	Dương	3771020291	20/11/1995	6,00	3,80	4,50	
42	Từ Thiện	Tâm	3771020307	22/10/1994	4,50	,30	1,60	
43	Lương Thanh	Sang	3771020332	10/11/1995	5,00	1,00	2,20	
44	Nguyễn Đức	Tài	3771021067	01/07/1995	4,30	1,80	2,60	
45	Hồ Thị Kim	Xuân	3771021112	26/01/1995	,00	,00	,00	CT
46	Phạm Thế	Kỳ	3771021114	08/10/1995	6,00	5,30	5,50	
47	Đào Hữu	Nghĩa	3771021123	10/10/1995	,00	,80	,60	
48	Mai Hữu	Thuận	3771021141	15/02/1995	3,00	5,50	4,80	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)